

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LV  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-ST

Ngày: 22-11-2021

“V/v tranh chấp dân sự chia tài sản chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Phụng;
2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 13/4/2021 và ngày 22/11/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2020/TLST-DS, ngày 27/02/2020, về việc “Tranh chấp dân sự chia tài sản chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-DS, ngày 24/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/QĐST-DS ngày 19/3/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 10/2021/QĐST-DS, ngày 13/4/2021; Thông báo mở phiên tòa số 08/TB-HĐXX ngày 12/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2021/QĐST-DS ngày 31/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 103/2021/QĐST-DS ngày 22/6/2021; Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 39/TB-HĐXX ngày 12/7/2021; Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 74/TB-HĐXX ngày 09/8/2021; Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 116/TB-HĐXX ngày 06/9/2021; Thông báo về việc dời ngày mở phiên tòa số 200/TB-HĐXX ngày 07/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2021/QĐST-DS ngày 02/11/2021 giữa.

***1. Nguyên đơn:*** Chị Ngô Th T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 315A, ấp An Bình, xã Hội An Đông, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị Ngô Th T: Anh Nguyễn Phước Hậu, sinh năm 1997; địa chỉ cư trú: Ấp Trung Phú 4, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn,

tỉnh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19/5/2021)(Có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Trần H H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số 315A, ấp An Bình, xã Hội An Đông, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của anh Trần H H: Anh Lại Văn Giang, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: Số 41/9C, đường Nguyễn Du, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2020)(Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV; địa chỉ: Quốc lộ 80, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật ông Lê Hồng Đỗ - Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục thi hành án huyện LV (Vắng mặt).

3.2. Bà Hồ Thị Diệp Thúy, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Số 182A, ấp Bình Hiệp A, xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị Hai; địa chỉ cư trú: Số 431/21, ấp Tây Bình, xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/02/2020, bản tự khai ngày 08/10/2019; biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/9/2020; biên bản hòa giải ngày 21/9/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Ngô Th T ủy quyền cho anh Nguyễn Phước Hậu trình bày:*

Chị Tuyền và anh Hậu cưới nhau năm 1994, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống có hai con chung tên Trần Trung Tính, sinh năm 1996 và Trần Trung Thành, sinh năm 2002.

Tài sản chung của vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm: Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84, diện tích 442,2m<sup>2</sup> (trong đó đất ONT 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 342,2m<sup>2</sup>) và căn nhà cấp 4. Anh Trần H H được Ủy ban nhân dân huyện LV cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/02/2012. Nguồn gốc thửa đất số 55 nêu trên là do chị Tuyền nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Anh Thư vào cuối năm 2011, giá chuyển nhượng là 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng). Đến tháng 02/2016 chị Tuyền xây dựng căn nhà cấp 4 như hiện nay. Quá trình chung sống chị Tuyền và anh Hậu bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân. Việc anh Hậu làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần nên bị bà Hồ Thị Diệp Thúy và bà Nguyễn Thị Hai khởi kiện và được Tòa án giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi án có hiệu lực thì Chi cục Thi hành án có Quyết định Thi hành án.

Ngày 19/8/2019 chị Tuyền nhận được Quyết định thi hành án số 47/QĐ-CCTHADS ngày 19/8/2019 về việc cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Ngày 04/9/2019 Chi cục thi hành án dân sự huyện LV gửi thông báo số 38/TB-CCTHADS ngày 03/9/2019 về việc cưỡng chế thi hành án đối với thửa đất số 84, tờ bản đồ số 55, diện tích 442,2m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp An Bình, xã Hội An Đông, huyện LV.

Ngày 27/9/2019 Chi cục thi hành án dân sự huyện LV có Thông báo số 249/TB-CCTHADS về quyền tranh chấp tài sản thi hành án.

Do việc cưỡng chế thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 để thi hành án ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tuyền, vì chưa xác định được tài sản nào là của anh Hậu để thi hành án. Nay chị Ngô Th T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LV giải quyết: Chia tài sản chung là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 và căn nhà cấp bốn có trên đất, chị Tuyền yêu cầu được nhận căn nhà và đất tại thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 và đồng ý chia đôi giá trị cho anh Hậu theo giá của Hội đồng định giá đã định cụ thể:

Đất ở 100m<sup>2</sup> x 600.000đồng/ m<sup>2</sup> = 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Đất trồng cây lâu năm 342,2 x 90.000đồng/m<sup>2</sup> = 30.798.000đồng (Ba mươi triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Căn nhà có diện tích ngang 5,17m dài 19,1m = 99m<sup>2</sup> x 2.264.767đồng/m<sup>2</sup> = 224.211.933đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Tổng cộng nhà và đất là 315.009.933đồng (Ba trăm mười lăm triệu không trăm lẻ chín nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), chị Tuyền đồng ý chia đôi. Chị Tuyền nhận nhà và đất và đồng ý trả cho anh Hậu số tiền 157.504.966 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm lẻ bốn nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản chị Tuyền tự nguyện chịu 2.585.000đồng (Hai triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Theo giá bà Thúy cung cấp tại chứng thư thẩm định giá ngày 07/5/2021 của Công ty TNHH định giá Châu Á thì giá đất tranh chấp tổng cộng là 1.240.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Tuyền không đồng ý giá do bà Thúy cung cấp và đề nghị cho nguyên đơn có thời gian để cung cấp giá cho Hội đồng xét xử.

Ngày 18/6/2021 chị Tuyền cung cấp giá đất tranh chấp do Công ty cổ phần định giá Đông Á định giá là 937.751.000 đồng (Chín trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi một nghìn đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị Tuyền thống nhất giá trị đất tranh chấp là giá của Công ty cổ phần định giá Đông Á và giá của Công ty TNHH định giá Châu Á cộng lại chia đôi.

Thông nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2020 của Tòa án và sơ đồ đo đạc đất ngày 14/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.

*Tại biên bản tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/9/2020; biên bản hòa giải ngày 21/9/2020 và tại phiên tòa ngày 13/4/2021 bị đơn anh Trần H H có người đại diện theo ủy quyền là anh Lại Văn Giang trình bày:* Anh Trần H H thống nhất lời trình bày của chị Tuyền về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung.

Anh Hậu đồng ý giao toàn bộ nhà và đất cho chị Tuyền quản lý sử dụng thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 (diện tích 442,2m<sup>2</sup>) và đồng ý nhận số tiền 157.504.966 đồng là giá trị ½ căn nhà và đất do chị Tuyền giao.

Thông nhất với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2020 của Tòa án và sơ đồ đo đạc đất ngày 14/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.

*Tại văn bản kiến nghị ngày 23/11/2020 bà Hồ Thị Diệp Thúy là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Theo bản án số 54/2018/DS-ST của Tòa án nhân dân huyện LV tuyên buộc anh Trần H H phải trả cho bà số tiền vốn 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 263.950.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 1.263.950.000 đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Khi án có hiệu lực bà có yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành và Cơ quan thi hành án đã kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa 55, tờ bản đồ số 84, diện tích 442,2m<sup>2</sup> (trong đó 100m<sup>2</sup> đất ONT và 342,2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm) và nhà ở gắn liền với đất, quyền sử dụng đất được cấp cho anh Trần H H. Việc chị Tuyền yêu cầu chi tài sản chung là đất và nhà trên bà không đồng ý.

Tại phiên tòa ngày 13/4/2021 bà Hồ Diệp Thúy đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để cung cấp giá đất theo thị trường.

Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH giá Châu Á xác định giá đất ONT là 4.150.000 đồng/m<sup>2</sup>; giá đất trồng cây lâu năm là 2.410.000 đồng/m<sup>2</sup>. Tổng giá trị đất là 1.240.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà Thúy thống nhất giá trị đất tranh chấp là giá của Công ty cổ phần định giá Đông Á và giá của Công ty TNHH định giá Châu Á cộng lại chia đôi.

*Tại tờ tự khai ngày 09/11/2020 của bà Nguyễn Thị Hai trình bày:* Căn cứ vào Quyết định số 07/2017/QĐST-DS ngày 19/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện LV thì ông Hậu, bà Tuyền là người phải thi hành án cho bà Hai. Căn cứ Quyết định số 24/QĐ/CCTHADS ngày 23/3/2018 của Chi cục trưởng Chi cục

thi hành án dân sự huyện LV. Xác định việc chưa có điều kiện thi hành án đối với ông Hậu, bà Tuyền cho bà Hai, số tiền còn phải thi hành tiếp là 639.055.000 đồng. Bởi vì, sau khi hai bên thỏa thuận giao tài sản trị giá số tiền là 2.933.560.000 đồng thì ông Hậu bà Tuyền có hứa tiếp tục trả số tiền còn lại cho bà Hai. Nhưng đến nay ông Hậu bà Tuyền không thi hành theo thỏa thuận.

Bà Hai có yêu cầu tiếp tục kê biên cưỡng chế tài sản đối với tài sản của ông Hậu bà Tuyền là Quyền sử dụng đất cấp cho người sử dụng ông Trần H H, sinh năm 1970, Số BI 544808 Do Ủy Ban Nhân Dân huyện LV cấp ngày 29/02/2012, thửa đất số 55, tờ Bản đồ số 84, diện tích 422,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp An Bình, xã Hội An Đông, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp đến nay chưa giải quyết.

Trong vụ án về việc “Tranh chấp dân sự về chia tài sản chung” đối với Nguyên đơn bà Ngô Th T và Bị đơn ông Trần H H bà Hai yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LV khi giải quyết vụ án cần xem xét quyền lợi chính đáng của bà theo quy định pháp luật Thi hành án dân sự.

*Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tuyền.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Tòa án xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp về dân sự chia tài sản chung”, đất tranh chấp và địa chỉ của bị đơn tại huyện LV, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện LV, theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Hai và Chi cục thi hành án dân sự huyện LV có đơn xin vắng mặt, anh Giang là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố

tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hai, Chi cục thi hành án dân sự huyện LV và anh Lại Văn Giang.

[3] Nội dung tranh chấp:

[3.1] Chị Tuyền và anh Hậu đều thống nhất trình bày: Chị Tuyền và anh Hậu cưới nhau năm 1994, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Trung, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân, nhưng chưa ly hôn.

[3.2] Quá trình chung sống chị Tuyền có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Anh Thư thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84, diện tích 442,2m<sup>2</sup> (trong đó 100m<sup>2</sup> đất ONT và 342,2m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm), chị Tuyền để cho anh Hậu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Hậu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 29/02/2012. Đến tháng 02/2016 chị Tuyền xây dựng căn nhà cấp 4 trên đất giống như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

[3.3] Hôn nhân giữa chị Tuyền, anh Hậu có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Nhà và đất thửa số 55, tờ bản đồ số 84 được chị Tuyền và anh Hậu tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng có thể thỏa thuận giao cho một người đứng tên. Từ căn cứ trên Tòa án xác định nhà và đất thửa số 55, tờ bản đồ số 84 là tài sản chung của chị Tuyền, anh Hậu.

[3.4] Việc chị Tuyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất thửa số 55, tờ bản đồ số 84 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.5] Xét việc chị Tuyền và anh Hậu thống giá trị căn nhà cấp 4 kết cấu khung bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch Ceramic, mái lợp tole, xây dựng năm 2016, theo biên bản định giá ngày 06/8/2020 thì giá trị nhà là 224.211.933 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu hai trăm mười một nghìn chín trăm ba mươi ba đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[3.6] Đối với giá đất tranh chấp, theo nguyên đơn cung cấp giá đất tranh chấp là 937.751.000 đồng, còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp giá 1.240.000.000 đồng. Bị đơn không có ý kiến gì về giá đất tranh chấp. Xét thấy, tại phiên tòa bên chị Tuyền và bà Thúy thống nhất cộng hai giá của hai công ty định giá lại và chia đôi để xác định giá đất tranh chấp. Như vậy, giá đất tranh chấp là 1.088.875.500 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi tám triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

[3.7] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Tuyền là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tuyền. Giao cho chị Ngô Thị T nhà và đất thửa số 55, tờ bản đồ số 84, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 422,2m<sup>2</sup>, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2020 của Tòa án và sơ đồ đo đạc đất ngày 14/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.

Chị Tuyền được đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động đất đai đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 theo quy định của pháp luật.

[3.8] Chị Tuyền có nghĩa vụ trả cho anh Hậu số tiền là 656.543.716 đồng (Sáu trăm năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

[3.9] Xét lời trình bày của bà Thúy yêu cầu xác định nhà và đất thửa số 55, tờ bản đồ số 84 là của anh Trần H H là chưa đủ cơ sở để chấp nhận, như đã phân tích trên.

[3.10] Xét đề nghị của kiểm sát viên tài phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận đề nghị của viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tuyền và anh Hậu phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá chị Tuyền tự nguyện chịu, xét việc tự nguyện của chị Tuyền là phù hợp nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 33, Điều 38 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Th T.

Giao cho chị Ngô Th T nhà và đất thửa số 55, tờ bản đồ số 84, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 422,2m<sup>2</sup> (trong đó đất ONT 100m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 342,2m<sup>2</sup>) theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2020 của Tòa án và sơ đồ đo đạc đất ngày 14/7/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện LV.

Chị Tuyền được đến Cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động đất đai đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 84 theo quy định của pháp luật.

Chị Ngô Th T có nghĩa vụ trả cho anh Trần H H số tiền 656.543.716 đồng (Sáu trăm năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiền án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ngô Th T phải chịu 30.261.749 đồng (Ba mươi triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Tuyền đã nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số BH/2018/0009246 ngày 25/02/2020, chị Tuyền còn phải nộp tiếp 25.261.749 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng).

Anh Trần H H phải chịu 30.261.749 đồng (Ba mươi triệu hai trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng).

Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá chị Ngô Th T tự nguyện chịu 2.585.000 đồng (Hai triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng) (đã thu và chi xong).

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt án có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự;

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện LV;
- TAND tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu VPTA-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Hằng**